

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 953 /TTr-BTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về dự thảo quy định về quản lý thuế đối với
hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, thực hiện Luật Quản lý thuế số.../2025/QH15, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định khai, tính thuế, khấu trừ thuế, nộp thuế, sử dụng hóa đơn điện tử của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đưa ra giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách “*Mình bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, nhất là về ...thuế, hải quan... Trong năm 2025, ... thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo; Rà soát, hoàn thiện các chính sách thuế, phí, lệ phí theo hướng bảo đảm đối xử công bằng giữa các thành phần kinh tế,....nhất là thu thuế điện tử khởi tạo từ máy tính tiền; Hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, tài sản ảo, tiền ảo, tài sản mã hoá, tiền mã hoá, thương mại điện tử... Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, bảo đảm an ninh, an toàn; Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị; Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết; bảo đảm nguyên tắc chỉ thực*

hiện thanh tra, kiểm tra mỗi năm 01 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm; Xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo cảnh báo sớm về các nguy cơ vi phạm pháp luật. Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật” (điểm 2,1 mục III).

- Nghị quyết số 68-NQ/TW cũng đưa ra giải pháp về hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh như sau: *Rà soát, hoàn thiện khung khổ pháp lý về kinh doanh cá thể; thu hẹp tối đa sự chênh lệch, tạo mọi điều kiện thuận lợi về tổ chức quản trị và chế độ tài chính, kế toán để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Đẩy mạnh số hoá, minh bạch hoá, đơn giản hoá, dễ tuân thủ, dễ thực hiện đối với chế độ kế toán, thuế, bảo hiểm... để khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Xóa bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh chậm nhất trong năm 2026”* (điểm 7 mục III).

- Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân quy định: *Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế từ ngày 01/01/2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo pháp luật quản lý thuế (khoản 6 Điều 10).*

- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đặt ra những nhiệm vụ quan trọng liên quan đến công tác quản lý thuế trong bối cảnh phát triển thương mại điện tử và chuyển đổi số, cụ thể: (i) *Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 18 về chống thất thu thuế, đảm bảo an ninh tiền tệ trên nền tảng thương mại điện tử.* (ii) *Tăng cường quản lý chặt chẽ trên môi trường thương mại điện tử, chống thất thu thuế.* (iii) *Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.*

- Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân: *Rà soát sửa đổi Luật Quản lý thuế để bãi bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh; Rà soát sửa đổi quy định pháp lý về thuế để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển sang mô hình doanh nghiệp.*

2. Cơ sở pháp lý

Điều 13 Luật Quản lý thuế được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025 giao Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và quy định chi tiết việc quản lý thuế phù hợp theo từng nhóm người nộp thuế:

“Điều 13. Khai thuế, khoản thu khác; tính thuế, khoản thu khác; khấu trừ thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

1. Đối với thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân:

a) Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định có mức doanh thu hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế, đối tượng không phải nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm với cơ quan thuế;

b) Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh xác định có mức doanh thu hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế, đối tượng phải nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế, hệ thống thông tin quản lý thuế tự động tạo lập tờ khai thuế để hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong việc khai thuế và tính thuế trên cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử, cơ sở dữ liệu quản lý thuế và các nguồn cơ sở dữ liệu khác mà cơ quan thuế có được từ cơ quan nhà nước khác, tổ chức, cá nhân cung cấp.

2. Đối với các loại thuế khác và khoản thu khác:

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định số thuế, khoản thu khác phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế, quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện khai thuế, tính thuế đối với từng loại thuế theo kỳ tính thuế. Cơ quan thuế căn cứ vào cơ sở dữ liệu quản lý thuế cung cấp thông tin để hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong việc khai thuế và tính thuế.

4. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác:

a) Trường hợp có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán, chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác (trong nước hoặc nước ngoài) có trách nhiệm khấu trừ, kê khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

b) Trường hợp có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác không có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trực tiếp khai thuế, tính thuế và nộp thuế theo quy định.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và các nội dung: việc quyết toán thuế và xử lý tiền thuế, khoản thu khác nộp thừa, phạm vi trách nhiệm, cách thức các chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác thực hiện khấu trừ, kê khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; trách nhiệm kê khai thay, nộp thuế thay của tổ chức trong các trường hợp: hợp tác kinh doanh với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, ký hợp đồng với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh làm đại lý bán đúng giá đối với xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hồ sơ, thủ tục kê khai doanh thu, kê khai thuế, nộp thuế và hoàn thuế, chế độ kế toán áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.”

Điều 7 Luật Thuế thu nhập cá nhân được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025 quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh như sau:

“Điều 7. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh

1. Cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống không phải nộp thuế thu nhập cá nhân. Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức doanh thu không phải nộp thuế thu nhập cá nhân cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

2. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân cư trú có doanh thu năm trên mức quy định tại khoản 1 Điều này được xác định bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất. Trong đó:

a) Thu nhập tính thuế được xác định bằng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra trừ (-) đi chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế;

b) Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên mức quy định tại khoản 1 Điều này đến 03 tỷ đồng: thuế suất 15%;

c) Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 03 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng: thuế suất 17%;

d) Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 50 tỷ đồng: thuế suất 20%.

Thu nhập từ cho thuê bất động sản quy định tại khoản 4 Điều này không áp dụng cách tính thuế quy định tại khoản này.

3. Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên mức quy định tại khoản 1 Điều này đến 03 tỷ đồng được lựa chọn nộp thuế theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này hoặc nộp thuế theo thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế. Doanh thu tính thuế và thuế suất được xác định như sau:

a) Doanh thu tính thuế được xác định bằng phần doanh thu vượt trên mức quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Phân phối, cung cấp hàng hoá: thuế suất 0,5%;

c) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: thuế suất 2%. Riêng hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp: thuế suất 5%;

d) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: thuế suất 1,5%;

đ) Hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số: thuế suất 5%;

e) Hoạt động kinh doanh khác: thuế suất 1%.

4. Cá nhân cho thuê bất động sản, trừ hoạt động kinh doanh lưu trú, nộp thuế thu nhập cá nhân được xác định bằng phần doanh thu vượt trên mức quy định tại khoản 1 Điều này nhân (x) với thuế suất 5%.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này."

3. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ tình hình thực tiễn công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cho thấy có sự phân hóa rõ rệt về quy mô doanh thu, phương thức kinh doanh và mức độ rủi ro thuế, đặc biệt trong bối cảnh ngành thuế đã và đang triển khai chuyển đổi số toàn diện, áp dụng rộng rãi hóa đơn điện tử, khai thuế điện tử, Etax mobile, kết nối dữ liệu liên ngành, ứng dụng quản lý rủi ro và phân tích dữ liệu lớn.

Trong những năm qua, đặc biệt từ năm 2023 đến nay, công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đạt nhiều kết quả tích cực. Tổng số hộ kinh doanh trên toàn quốc tính đến cuối năm 2024 là khoảng 3,6 triệu hộ, trong đó có 2,2 triệu hộ đang hoạt động ổn định và 1,3 triệu hộ có doanh thu trên ngưỡng chịu thuế, chiếm 59% tổng số hộ kinh doanh. Thu từ khu vực hộ kinh doanh năm 2024 đạt 25.953 tỷ đồng (tăng 20% so với năm 2023); 6 tháng đầu năm 2025 đạt 17.100 tỷ đồng, bằng 131% cùng kỳ năm trước, cho thấy tiềm năng và dư địa quản lý lớn.

Ngành Thuế đã ban hành Đề án 420/QĐ-TCT ngày 28/02/2025 về đổi mới, nâng cao chất lượng quản lý thuế đối với hộ kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với hộ kinh doanh một cách đồng bộ, từ chỉ đạo điều hành đến các nhóm giải pháp nghiệp vụ. Công tác phối hợp liên ngành với Bộ Công an, UBND các tỉnh, thành phố, các hiệp hội và tổ chức nghề nghiệp được tăng cường, qua đó đã bổ sung vào diện quản lý thuế hơn 254.000 hộ kinh doanh, truy thu và xử lý vi phạm với số thuế tăng thu hơn 1.783 tỷ đồng.

Cùng với đó, chuyển đổi số được đẩy mạnh: 98% hộ kinh doanh kê khai thuế điện tử; hơn 110.000 hộ sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền, trong đó có trên 20.000 hộ khoán tự nguyện tham gia. Ngành thuế đã tổ chức các lớp tập huấn, xây dựng công thông tin thuế hỗ trợ doanh nhân, kết nối với các đơn vị cung cấp dịch

vụ kế toán - thuế chi phí thấp giúp hộ kinh doanh thuận lợi chuyển đổi lên mô hình khai thuế hoặc doanh nghiệp.

Kết quả, 6 tháng đầu năm 2025 đã có 13.699 hộ khoán chuyển sang nộp thuế theo phương pháp kê khai và 1.474 hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Những con số này cho thấy nhận thức và khả năng tuân thủ pháp luật của hộ kinh doanh ngày càng được cải thiện, tạo nền tảng thuận lợi để xây dựng và ban hành Nghị định riêng về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, phù hợp với thực tiễn, hướng tới công bằng, minh bạch và hiện đại hóa quản lý thuế.

Bên cạnh kết quả đạt được như trên, thực tiễn quản lý thuế đối với hộ kinh doanh hiện nay cho thấy còn nhiều tồn tại, bất cập, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện khung pháp lý và phương thức quản lý phù hợp.

Một là, chính sách thuế hiện hành vẫn còn sự chênh lệch đáng kể giữa hộ kinh doanh và doanh nghiệp, dù nhiều hộ kinh doanh có quy mô doanh thu tương đương với doanh nghiệp nhỏ. Hộ kinh doanh được áp dụng phương pháp khoán đơn giản, ít nghĩa vụ hành chính, trong khi doanh nghiệp phải tuân thủ chế độ kế toán, khai thuế, báo cáo tài chính và chịu thuế suất cao hơn. Điều này dẫn đến tâm lý e ngại chuyển đổi, tạo động lực duy trì hoạt động trong khu vực phi chính thức, gây ra bất bình đẳng trong môi trường kinh doanh. Thống kê cho thấy, trong 6 tháng đầu năm 2025, chỉ có khoảng 1.474 hộ chuyển sang doanh nghiệp trên tổng số hơn 3,6 triệu hộ đang kinh doanh – một tỷ lệ rất nhỏ, cho thấy chính sách khuyến khích chuyển đổi chưa đủ hấp dẫn.

Hai là, phương pháp khoán hiện nay vẫn dựa trên ước tính doanh thu và sự tự giác khai báo, trong khi chưa bắt buộc sử dụng hóa đơn hay sổ sách kế toán đối với hộ khoán. Điều này khiến cơ quan thuế gặp khó khăn trong việc xác định đúng, đủ nghĩa vụ thuế của từng hộ, dẫn đến nguy cơ thất thu lớn. Dù cơ quan thuế đã có nhiều biện pháp tăng cường kiểm soát như phối hợp địa phương, khai thác dữ liệu điện, nước, giao dịch ngân hàng, tuy nhiên với nguồn lực cán bộ hạn chế, việc quản lý hàng triệu hộ là thách thức lớn. Tình trạng chênh lệch số liệu giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế cho thấy còn nhiều hộ chưa được quản lý đầy đủ.

Ba là, hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý thuế đối với hộ kinh doanh vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Hệ thống dữ liệu còn phân tán, thiếu liên thông giữa các cơ quan như công an, ngân hàng, công thương, khoa học công nghệ... Năng lực phân tích rủi ro và hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển sang kê khai thuế cũng còn hạn chế, do chưa có công cụ chuyên biệt và hệ thống tích hợp thông tin hóa đơn, kế toán tự động.

Bốn là, công tác tuyên truyền, hỗ trợ hộ kinh doanh còn chưa thực sự hiệu quả. Phần lớn nội dung tuyên truyền mang tính lý thuyết, thiếu hướng dẫn thực hành cụ thể như khai thuế, nộp thuế điện tử. Một bộ phận hộ kinh doanh còn hạn chế về kiến thức pháp luật, dẫn đến hiểu sai, làm sai hoặc lúng túng trong thực hiện nghĩa vụ thuế.

Năm là, nguồn lực và năng lực thực thi còn nhiều hạn chế. Việc mở rộng hình thức kê khai sẽ làm gia tăng đáng kể khối lượng công việc trong khi cán bộ thuế cấp cơ sở còn thiếu về số lượng và cần được đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ. Cùng với đó, công tác phối hợp giữa cơ quan thuế và chính quyền địa phương chưa đồng đều, vẫn còn tình trạng buông lỏng hoặc thiếu thông tin kịp thời từ cấp xã/phường, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý.

Những bất cập nêu trên xuất phát từ cả nguyên nhân chính sách lẫn thực thi, trong đó có thể kể đến: khung pháp lý chưa đồng bộ, chế tài xử phạt chưa đủ mạnh, cơ chế khoán không còn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số, hạ tầng công nghệ chưa hoàn thiện, và ý thức tuân thủ pháp luật thuế của một bộ phận hộ kinh doanh còn thấp.

Từ thực tiễn nêu trên, đặt ra yêu cầu cần thiết phải ban hành một Nghị định riêng về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh nhằm đảm bảo thống nhất, minh bạch, công bằng trong quản lý thuế; tăng cường hiệu quả quản lý thuế; tạo điều kiện để hộ kinh doanh phát triển đúng bản chất, phù hợp với năng lực, đồng thời khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh tiềm năng lên doanh nghiệp.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Cụ thể hóa chủ trương, định hướng của Đảng và Quốc hội tại Nghị quyết số 68-NQ/TW và Nghị quyết số 198/2025/QH15 nhằm tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và bãi bỏ thuế khoán, thiết lập cơ chế quản lý thuế phù hợp với từng nhóm quy mô hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Tăng cường hiệu quả quản lý thuế, đảm bảo công bằng nghĩa vụ thuế giữa hộ kinh doanh và doanh nghiệp có quy mô tương đương, đồng thời khuyến khích, thúc đẩy hộ kinh doanh chuyển đổi lên mô hình doanh nghiệp, qua đó, tạo động lực mới, giải phóng nguồn lực, sức sản xuất của kinh tế tư nhân; góp phần hiện thực hóa các mục tiêu nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

Thứ nhất, bảo đảm bám sát các chính sách quy định tại Nghị quyết số 68-NQ/TW và Nghị quyết số 198/2025/QH15, Luật Quản lý thuế (sửa đổi) để có thể triển khai, áp dụng, phát huy hiệu quả ngay trong thực tiễn.

Thứ hai, bám sát theo tinh thần Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị, phân định rõ thẩm quyền lập pháp và thẩm quyền lập quy theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thứ ba, quy định chính sách tại dự thảo Nghị định theo hướng đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính (nếu có).

Thứ tư, chính sách pháp luật ban hành bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của hệ thống pháp luật; tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tính khả thi và phù hợp với nguồn lực của Nhà nước.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Luật Quản lý thuế (sửa đổi), Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày 12/12/2025, Văn phòng Chính phủ có công văn số 12315/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc đồng ý áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với việc xây dựng ban hành Nghị định quy định về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Ngày 03/12/2025 Bộ Tài chính có công văn 18835/BTC-CT gửi các Bộ, ngành, địa phương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam xin ý kiến dự thảo Nghị định (lần 1)

Ngày 11/12/2025 Bộ Tài chính có công văn 19277/BTC-CT gửi các Bộ, ngành, địa phương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam xin ý kiến dự thảo Nghị định (lần 2)

Hồ sơ dự thảo Nghị định có đăng website Chính phủ, website Bộ Tài chính hai lần (lần 1 ngày 05/12/2025, lần 2 ngày 12/12/2025).

Ngày, Bộ Tài chính đã có công văn số/. gửi Bộ Tư pháp thẩm định Hồ sơ dự thảo Nghị định.

Ngày//..., Bộ Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định và có Báo cáo thẩm định về hồ sơ dự thảo Nghị định (tại Báo cáo số/BTP-BCTĐ ngày//2025).

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã có Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định và trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản pháp luật năm 2025, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định khai, tính thuế, khấu trừ thuế, nộp thuế, sử dụng hóa đơn điện tử của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định khai, tính thuế, khấu trừ thuế, nộp thuế, sử dụng hóa đơn điện tử của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và trách nhiệm của cơ quan thuế, người nộp thuế, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng bao gồm: (i) Người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (ii) Cơ quan thuế các cấp và công chức thuế; (iii) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị định

Bộ cục dự thảo Nghị định gồm 17 Điều, chia thành 04 Chương như sau:

Chương I - Quy định chung (gồm 02 Điều): Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Chương II – Chính sách thuế GTGT, thuế TNCN đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Chính sách thuế GTGT, thuế TNCN đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (gồm 5 Điều từ Điều 03 đến Điều 07): Quy định về: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, doanh thu tính thuế, các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thuế thu nhập cá nhân, quyết toán thuế.

Chương III – Khai thuế, tính thuế, nộp thuế, khấu trừ thuế, sử dụng hóa đơn điện tử, tiền thuế nộp thừa (gồm 5 Điều từ Điều 08 đến Điều 12): Quy định về nguyên tắc khai, tính thuế và sử dụng hóa đơn; Khai, nộp thuế GTGT, thuế TNCN đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh; khai, nộp thuế GTGT, thu nhập cá nhân đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng; khai thuế, khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; Xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa.

Chương IV - Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành (gồm 05 Điều, từ Điều 13 đến Điều 17) quy định: quyền và trách nhiệm của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp; trách nhiệm của cơ quan thuế trong quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; trách nhiệm thi hành; hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1. Chương I - Quy định chung

3.1.1. Quy định về phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Điều 13, Điều 26 của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và Điều 7 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15.

3.1.2 Quy định về đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế là:

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp nộp thuế theo phương pháp khoán thuế, phương pháp kê khai quy định tại Điều 51 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 thực hiện kê khai, tính, nộp thuế theo quy định từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Cơ quan thuế các cấp và công chức thuế.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

3.2. Chương II - Phương pháp tính thuế và quyết toán thuế

3.2.1. Điều 3 - Thuế giá trị gia tăng

Nghị định quy định hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Trường hợp có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm thì nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu, áp dụng tỷ lệ % theo quy định của Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 và văn bản hướng dẫn.

(Nội dung được quy định cụ thể tại Điều 3 dự thảo Nghị định)

3.2.2. Điều 4 - Thuế thu nhập cá nhân

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống không phải nộp thuế TNCN. Đối với hộ, cá nhân có doanh thu trên mức này, thuế TNCN được xác định theo thu nhập tính thuế (doanh thu trừ chi phí hợp lệ) nhân với thuế suất 15%, 17% hoặc 20% tùy theo mức doanh thu. Riêng nhóm có doanh thu trên 500 triệu đến 3 tỷ đồng được lựa chọn nộp thuế theo thu nhập tính thuế hoặc theo tỷ lệ % trên phần doanh thu vượt 500 triệu đồng, với mức 0,5%; 1%; 1,5%; 2% hoặc 5% tùy ngành nghề. Hoạt động cho thuê bất động sản (trừ lưu trú) áp dụng thuế suất 5% trên phần doanh thu vượt 500 triệu đồng, không áp dụng phương pháp tính thuế theo thu nhập.

Phương pháp tính thuế được áp dụng ổn định trong thời gian 02 (hai) năm liên tiếp kể từ năm đầu tiên áp dụng. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đến 03 tỷ đồng đang áp dụng phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu nếu trong hai năm liên tục tự xác định hoặc cơ quan thuế có dữ liệu xác định hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu thực tế trên 03 tỷ đồng thì từ năm tiếp theo phải thực hiện chuyển sang phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân trên thu nhập tính thuế.

(Nội dung được quy định cụ thể tại Điều 4 dự thảo Nghị định)

3.2.3. Điều 5 - Doanh thu tính thuế

Dự thảo Nghị định quy định doanh thu theo nguyên tắc là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền và không bao gồm thuế giá trị gia tăng; bao gồm cả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền, các khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội, phí thu thêm được hưởng theo quy định, các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, doanh thu khác mà cá nhân kinh doanh được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đối với một số trường hợp như: hoạt động gia công hàng hóa, hàng hóa; dịch vụ bán theo phương thức trả góp, trả chậm; hàng hóa của các đơn vị giao đại lý và nhận đại lý theo hợp đồng đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng; hoạt động cho thuê tài sản, hoạt động kinh doanh dịch vụ khác mà khách hàng trả tiền trước cho nhiều năm; hoạt động vận tải, hoạt động xây dựng, lắp đặt được quy định cụ thể doanh thu tính thuế.

Dự thảo Nghị định quy định thời điểm xác định doanh thu đối với hoạt động bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hoá cho người mua; Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua.

(Nội dung được quy định cụ thể tại Điều 5 dự thảo Nghị định)

“Điều 5. Doanh thu tính thuế

1. Doanh thu là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền và không bao gồm thuế giá trị gia tăng; bao gồm cả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền, các khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội, phí thu thêm được hưởng theo quy định, các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, doanh thu khác mà cá nhân kinh doanh được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

2. Doanh thu đối với một số trường hợp được quy định cụ thể như sau:

a) Đối với hoạt động gia công hàng hóa là tiền thu về hoạt động gia công bao gồm cả tiền công, chi phí về nhiên liệu, động lực, vật liệu phụ và chi phí khác phục vụ cho việc gia công hàng hóa;

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ bán theo phương thức trả góp, trả chậm là tiền bán hàng hóa, dịch vụ trả tiền một lần, không bao gồm tiền lãi trả góp, tiền lãi trả chậm;

c) Đối với hàng hóa của các đơn vị giao đại lý và nhân đại lý theo hợp đồng đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng;

d) Đối với hoạt động cho thuê tài sản là số tiền bên thuê trả từng kỳ theo hợp đồng thuê. Trường hợp bên thuê trả tiền trước cho nhiều năm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước hoặc được xác định theo doanh thu trả tiền một lần.

đ) Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ khác mà khách hàng trả tiền trước cho nhiều năm là số tiền bên mua dịch vụ trả từng năm theo hợp đồng. Trường hợp bên mua dịch vụ trả tiền trước cho nhiều năm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước hoặc xác định theo doanh thu trả tiền một lần.

e) Đối với hoạt động vận tải là toàn bộ doanh thu vận chuyển hành khách, hàng hóa, hành lý phát sinh trong kỳ tính thuế;

g) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, giá trị hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công trình xây dựng, lắp đặt nghiệm thu;

Trường hợp xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị là số tiền từ hoạt động xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị;

Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị là số tiền từ hoạt động xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị;

3. Thời điểm xác định doanh thu

a) Đối với hoạt động bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hoá cho người mua;

b) Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua."

3.2.4. Điều 6 - Các khoản chi được trừ và không được trừ

Chi phí được trừ gồm các khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh, có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp và thanh toán không dùng tiền mặt đối với khoản chi từ 5 triệu đồng trở lên. Các khoản chi không được trừ gồm chi không liên quan đến kinh doanh, không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp; tiền lương của chủ hộ, thành viên hộ; các khoản tiền lương, tiền công đã hạch toán nhưng thực tế không chi trả hoặc không có chứng từ thanh toán; khấu hao vượt mức quy định hoặc khấu hao của tài sản không sử dụng cho hoạt động kinh doanh; các khoản phạt vi phạm hành chính, phạt vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường do lỗi của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; chi phục vụ nhu cầu cá nhân... Trường hợp hộ có doanh thu trên 500 triệu đến 3 tỷ đồng chọn phương pháp tính theo thu nhập nhưng không đủ điều kiện chi phí được trừ thì không được tính chi phí và được chuyển sang phương pháp nộp thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu.

3.2.5. Điều 7 - Quyết toán thuế:

Hộ, cá nhân nộp thuế theo phương pháp thu nhập (doanh thu trừ chi phí) phải thực hiện quyết toán thuế cuối năm và nộp bổ sung tiền thuế, tiền chậm nộp nếu thiếu so với tạm nộp. Trường hợp nộp thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu và không phát sinh số thuế phải nộp thêm hoặc hoàn thì không phải quyết toán thuế.

3.3. Chương III – Khai thuế, tính thuế, nộp thuế, khấu trừ thuế, sử dụng hóa đơn điện tử, tiền thuế nộp thừa

3.3.1. Nguyên tắc khai, tính thuế và sử dụng hóa đơn

Nghị định quy định hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định doanh thu và nghĩa vụ thuế GTGT, TNCN. Trường hợp doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống, hộ thông báo doanh thu thực tế cho cơ quan thuế chậm nhất là ngày 31 tháng 01 hàng năm. Trường hợp doanh thu trên 500 triệu đồng, hộ tự xác định số thuế phải nộp theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị định. Khi sử dụng hóa đơn điện tử hoặc hóa đơn điện tử từ máy tính tiền kết nối dữ liệu với cơ quan thuế, hệ thống quản lý thuế sẽ tự động hỗ trợ lập tờ khai và xác định số thuế trên cơ sở dữ liệu hóa đơn. Nếu không sử dụng hóa đơn điện tử, hộ, cá nhân tự tính và xác định số thuế phải nộp theo quy định.

Đối với các loại thuế và khoản thu khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định nghĩa vụ phải nộp theo pháp luật chuyên ngành. Khi tạm ngừng kinh doanh, hộ thuộc diện đăng ký kinh doanh thực hiện thủ tục tạm ngừng theo Nghị định 168/2025/NĐ-CP; hộ không thuộc diện đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản đến cơ quan thuế để cập nhật trạng thái tạm ngừng. Trong thời gian tạm ngừng, hộ, cá nhân không phải nộp hồ sơ khai thuế, trừ trường hợp tạm ngừng không trọn tháng hoặc không trọn quý.

Về thời hạn nộp thuế, hộ, cá nhân phải nộp chậm nhất vào ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế; hồ sơ được nộp điện tử hoặc trực tiếp tại cơ quan thuế quản lý. Trường hợp có nhiều địa điểm kinh doanh, hộ kê khai tổng hợp trên một hồ sơ tại địa điểm kinh doanh chính và thực hiện nộp thuế cho từng địa điểm; hệ thống CNTT của cơ quan thuế tự động phân bổ doanh thu và số thuế theo từng địa điểm.

Về sử dụng hóa đơn điện tử, hộ kinh doanh có doanh thu từ 1 tỷ đồng/năm trở lên phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định. Trường hợp có nhiều địa điểm kinh doanh thì sử dụng chung mã số thuế và ghi rõ địa chỉ từng cửa hàng trên hóa đơn. Hộ có doanh thu từ trên 500 triệu đến dưới 1 tỷ đồng không bắt buộc dùng hóa đơn điện tử nhưng được khuyến khích; nếu có nhu cầu sử dụng hóa đơn từng lần, cơ quan thuế cấp hóa đơn sau khi hộ khai và nộp thuế. Trình tự thủ tục đăng ký hóa đơn điện tử thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

(Nội dung cụ thể tại Điều 8 dự thảo Nghị định)

3.3.2. Khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 06 tháng đầu năm nếu có doanh thu thực tế từ 500 triệu đồng trở xuống thì thực hiện khai doanh thu thực tế phát sinh kể từ khi bắt đầu kinh doanh đến hết ngày 30 tháng 06 với cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 30 tháng 07 và khai doanh thu thực tế phát sinh trong 06 tháng cuối năm chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 06 tháng cuối năm nếu có doanh thu thực tế từ 500 triệu đồng trở xuống thì thực hiện khai doanh thu thực tế phát sinh chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh, khi có doanh thu lũy kế trong năm vượt mức 500 triệu đồng thì thực hiện khai thuế kể từ tháng liền kề sau tháng phát sinh doanh thu vượt mức

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh căn cứ doanh thu thực tế kê khai để tự xác định thuộc đối tượng không chịu thuế, đối tượng không phải nộp thuế, đối tượng chịu thuế, đối tượng phải nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

(Nội dung cụ thể tại Điều 9 dự thảo Nghị định)

“Điều 9. Khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 06 tháng đầu năm nếu có doanh thu thực tế từ 500 triệu đồng trở xuống thì thực hiện khai doanh thu thực tế phát sinh kể từ khi bắt đầu kinh doanh đến hết ngày 30 tháng 06 với cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 30 tháng 07 và khai doanh thu thực tế phát sinh trong 06 tháng cuối năm chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 06 tháng cuối năm nếu có doanh thu thực tế từ 500 triệu đồng trở xuống thì thực hiện khai doanh thu thực tế phát sinh chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau.

2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh, khi có doanh thu lũy kế trong năm vượt mức 500 triệu đồng thì thực hiện khai thuế kể từ tháng liền kề sau tháng phát sinh doanh thu vượt mức. Việc khai thuế thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Nghị định này trong đó, doanh thu tính thuế là doanh thu phát sinh trong kỳ tính thuế và phân chênh lệch doanh thu vượt trên 500 triệu của kỳ trước đó.

3. Từ năm tiếp theo, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nếu có doanh thu thực tế phát sinh từ 500 triệu đồng trở xuống thực hiện khai doanh thu theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này; trường hợp có doanh thu thực tế phát sinh trên mức 500 triệu đồng thì thực hiện khai thuế theo quy định tại Điều 10 của Nghị định này.

4. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy định tại Điều này sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 8 của Nghị định này.”

3.3.3. Khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng

- Đối với thuế GTGT: Trường hợp có doanh thu từ 50 tỷ đồng trở xuống thực hiện khai thuế, nộp thuế giá trị gia tăng theo quý, trường hợp có doanh thu trên 50 tỷ đồng trở lên thực hiện khai thuế, nộp thuế giá trị gia tăng theo tháng theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

- Đối với thuế thu nhập cá nhân: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng lựa chọn nộp thuế thu nhập cá nhân theo thu nhập hoặc doanh thu tính thuế. Việc khai, nộp thuế thu nhập cá nhân theo quý cùng thời hạn khai, nộp thuế giá trị gia tăng.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo thu nhập tính thuế thực hiện tạm nộp thuế thu nhập cá nhân theo quý. Số thuế thu nhập cá nhân tạm nộp bằng thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế của quý và khai thuế thu nhập cá nhân theo năm chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu của năm trước liền kề từ 500 triệu trở xuống nhưng năm tính thuế có doanh thu vượt mức 500 triệu đồng thì thực hiện khai thuế kể từ tháng liền kề sau tháng phát sinh doanh thu vượt mức 500 triệu đồng.

(Nội dung cụ thể tại Điều 10 dự thảo Nghị định)

“Điều 10. Khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng

1. Khai, nộp thuế giá trị gia tăng: hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng thực hiện khai, nộp thuế giá trị gia tăng như sau:

a. Trường hợp có doanh thu từ 50 tỷ đồng trở xuống thực hiện khai thuế, nộp thuế giá trị gia tăng theo quý quy định tại điểm a khoản 4 Điều 8 của Nghị định này;

b. Trường hợp có doanh thu trên 50 tỷ đồng trở lên thực hiện khai thuế, nộp thuế giá trị gia tăng theo tháng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 của Nghị định này.

2. Khai, nộp thuế thu nhập cá nhân:

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng lựa chọn nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này thực hiện khai, nộp thuế thu nhập cá nhân theo quý cùng thời hạn khai, nộp thuế giá trị gia tăng;

b) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này thực hiện tạm nộp thuế thu nhập cá nhân theo quý. Số thuế thu nhập cá nhân tạm nộp bằng thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế của quý và khai thuế thu nhập cá nhân theo năm chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau.

3. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu của năm trước liền kề từ 500 triệu trở xuống nhưng năm tính thuế có doanh thu vượt mức 500 triệu đồng thì thực hiện khai thuế kể từ tháng liền kề sau tháng phát sinh doanh thu vượt mức 500 triệu đồng. Việc khai thuế thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trong đó, doanh thu tính thuế thu nhập cá nhân là doanh thu phát sinh trong kỳ tính thuế và phân chênh lệch doanh thu vượt trên 500 triệu của kỳ trước đó đối với trường hợp nộp thuế thu nhập cá nhân theo khoản 3 Điều 4 Nghị định này."

(Nội dung cụ thể tại Điều 10 dự thảo Nghị định)

3.3.4. Khai thuế, khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Nghị định quy định trách nhiệm của Chủ quản quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nền tảng số có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán có trách nhiệm thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay đổi với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ; Hộ, cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến nhưng không có chức năng thanh toán có trách nhiệm tự kê khai, nộp thuế theo quy định tại Nghị định số 117/2025/NĐ-CP ngày 9/6/2025 của Chính phủ về quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử.

Trường hợp vừa có hoạt động kinh doanh tại địa điểm kinh doanh cố định và kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tổng hợp doanh thu để thực hiện khai thuế thu nhập cá nhân, nếu doanh thu năm trên 03 tỷ thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện tính thuế thu nhập cá nhân. Số thuế thu nhập cá nhân đã được chủ quản quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nền tảng số có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán khấu trừ, nộp thay được trừ khi xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp khi quyết toán thuế.

(Nội dung thể hiện tại Điều 11 dự thảo Nghị định)

3.3.5. Xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa

Xử lý tiền thuế nộp thừa: hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động kinh doanh nhưng có doanh thu thực tế phát sinh của năm từ 500 triệu đồng trở xuống (không bao gồm số thuế đã nộp của hóa đơn cấp theo từng lần phát sinh) thì thực hiện xử lý bù trừ, hoàn trả, hoàn trả kiêm bù trừ thu ngân sách theo quy định của pháp luật quản lý thuế đối với số thuế nộp thừa. Điều này áp dụng cả với thuế đã nộp thông qua nền tảng thương mại điện tử và hoạt động kinh doanh khác mà tổ chức, cá nhân đã thực hiện khấu trừ và nộp thuế thay, ngoại trừ thuế của hóa đơn kê khai từng lần phát sinh. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp hoặc được các tổ chức, cá nhân đã khấu trừ, nộp thay lớn hơn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp thì thực hiện xử lý bù trừ, hoàn trả, hoàn trả kiêm bù trừ thu ngân sách theo quy định của pháp luật quản lý thuế đối với số thuế nộp thừa.

Hồ sơ và thủ tục đề nghị xử lý tiền nộp thừa thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính.

(Nội dung cụ thể tại Điều 12 dự thảo Nghị định)

3.4. Chương IV - Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

Chương IV quy định trách nhiệm của các chủ thể có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định, bao gồm quyền và trách nhiệm của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp; trách nhiệm của cơ quan thuế trong quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Việc quy định rõ ràng trách nhiệm của từng chủ thể sẽ giúp tăng tính khả thi và hiệu lực thực thi của Nghị định, bảo đảm việc quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được minh bạch, hiện đại và phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trong lĩnh vực thuế. Cụ thể:

3.4.1. Trách nhiệm của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh phải kê khai đầy đủ, chính xác doanh thu, mở và thông báo các tài khoản phục vụ kinh doanh, sử dụng sổ sách, hóa đơn, phần mềm quản lý bán hàng theo quy định, đồng thời cung cấp thông tin, tài liệu liên quan khi cơ quan thuế yêu cầu. Với hoạt động trên nền tảng thương mại điện tử, họ còn phải kê khai và nộp thuế các loại liên quan và cung cấp thông tin nhận dạng cá nhân hoặc mã số thuế và dữ liệu cần thiết để xác định nghĩa vụ thuế.

(Nội dung cụ thể tại Điều 13 dự thảo Nghị định)

3.4.2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phối hợp với Thuế tỉnh, thành phố để triển khai thực hiện Nghị định này.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan thuế rà soát, cập nhật danh sách hộ, cá nhân kinh doanh trên địa bàn, phát hiện các trường hợp bắt đầu, tạm ngừng, ngừng hoặc kinh doanh không phép, tuyên truyền chính sách thuế, hỗ trợ kiểm tra, xác minh thông tin, quy mô kinh doanh và xử lý các vi phạm liên quan đến địa điểm và điều kiện kinh doanh.

(Nội dung cụ thể tại Điều 14 dự thảo Nghị định)

3.4.3. Trách nhiệm của cơ quan thuế trong quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Cơ quan thuế quản lý hộ, cá nhân kinh doanh minh bạch, thuận tiện; hỗ trợ kê khai, nộp thuế; cung cấp hướng dẫn, tiếp nhận phản ánh, kiểm tra thuế khi có dấu hiệu rủi ro hoặc vi phạm, thực hiện ấn định thuế dựa trên dữ liệu hóa đơn, sàn thương mại điện tử, tổ chức tín dụng và cơ sở dữ liệu quản lý thuế, đồng thời bảo đảm quy trình công khai, minh bạch, tránh gây phiền hà cho người nộp thuế.

(Nội dung cụ thể tại Điều 15 dự thảo Nghị định)

3.4.4. Về trách nhiệm thi hành Nghị định:

Các Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm triển khai Nghị định theo chức năng, nhiệm vụ. Bộ Tài chính hướng dẫn và triển khai các giải pháp hỗ trợ các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay. Bộ Công Thương quản lý toàn bộ hoạt động thương mại điện tử và phối hợp với Bộ Tài chính trong việc hỗ trợ các nền tảng thực hiện nghĩa vụ thuế. Cục Thuế hướng dẫn tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu dữ liệu, xử lý hoàn trả thuế nộp thừa và cung cấp thông tin thuế khấu trừ cho hộ, cá nhân kinh doanh.

(Nội dung cụ thể tại Điều 16 dự thảo Nghị định)

3.4.5. Hiệu lực thi hành:

Nghị định dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Cơ quan thuế có trách nhiệm rà soát dữ liệu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh năm 2025 để hướng dẫn chuyển tiếp. Theo đó, các hộ đang nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc kê khai trong năm 2025 mà có doanh thu thuộc diện chịu thuế GTGT và phải nộp thuế TNCN theo chính sách thuế áp dụng từ năm 2026 thì thực hiện khai, nộp thuế theo quy định tại Điều 9 của Nghị định. Đối với các hộ trong năm 2025 thuộc diện không chịu thuế GTGT và không phải nộp thuế TNCN theo quy định mới, việc khai doanh thu của năm 2026 được thực hiện chậm nhất vào ngày 31/01/2027.

Các quy định liên quan đến khai bổ sung, gia hạn nộp hồ sơ, gia hạn nộp thuế, khai thuế thay và các nội dung quản lý thuế khác tiếp tục thực hiện theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và văn bản hướng dẫn hiện hành cho đến khi có quy định

thay thế. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Nghị định được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

4. Về việc tuân thủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

4.1. Về nội dung phân cấp, phân quyền

Dự thảo Nghị định phân cấp, phân quyền quản lý hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

4.2. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu trong dự thảo văn bản có quy định về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số)

Dự thảo Nghị định đã thể hiện rõ xu hướng hiện đại hóa quản lý thuế qua việc bắt buộc khai thuế, nộp thuế bằng phương thức điện tử, tích hợp thông tin từ nền tảng thương mại điện tử, kết nối dữ liệu từ nhiều nguồn (ngân hàng, công thành toán, nền tảng số...). Việc quản lý hộ kinh doanh theo hướng số hóa không chỉ giảm chi phí hành chính, mà còn góp phần minh bạch hóa khu vực kinh tế phi chính thức, tăng khả năng giám sát rủi ro, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

4.3. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Dự thảo Nghị định không có nội dung đề cập trực tiếp đến yêu cầu bảo đảm bình đẳng giới.

4.4. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Việc chuyển từ thuế khoán (thường do cán bộ thuế định đoạt một cách tương đối) sang tự khai, tự tính có thể tạo điều kiện bình đẳng hơn cho các hộ kinh doanh người dân tộc thiểu số – vốn thường chịu thiệt do thiếu thông tin, trình độ hạn chế hoặc do tâm lý e ngại tiếp xúc với cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, chuyển sang phương thức tự khai cũng đòi hỏi người nộp thuế phải hiểu biết pháp luật, có kỹ năng kê khai, điều mà không phải hộ dân tộc nào cũng đáp ứng được trong giai đoạn đầu.

Để bảo đảm thực hiện hiệu quả chính sách từ ngày 01/01/2026, Bộ Tài chính tập trung triển khai: Tăng cường tuyên truyền, tập huấn cho hộ kinh doanh về quy định mới và cách thức thực hiện; ban hành chế độ kế toán đơn giản, mẫu biểu khai thuế phù hợp theo quy mô, ngành nghề; hoàn thiện hệ thống quản lý thuế điện tử, kết nối liên thông với ngân hàng, nền tảng thanh toán, hóa đơn điện tử; phối hợp chặt chẽ với các nền tảng số để thực hiện đầy đủ trách nhiệm khấu trừ, kê khai và nộp thay; tiếp tục rà soát, hoàn thiện chính sách thuế đối với hộ kinh doanh, bảo đảm thu đúng, thu đủ, đồng thời tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

4.5. Về vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền; kiến nghị phương án giải quyết.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIẠN TRÌNH BÀN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

1.1. Dự kiến nguồn lực

Khi Nghị định được ban hành, toàn bộ nội dung Nghị định sẽ được đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và các phương tiện thông tin đại chúng để các cơ quan, tổ chức và người dân biết và thực hiện. Chính phủ sẽ chỉ đạo Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan có liên quan và chỉ đạo cơ quan quản lý thuế thực hiện tốt công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát để đảm bảo việc thực thi Nghị định có hiệu quả.

Nội dung dự thảo Nghị định không có quy định liên quan đến việc thành lập các tổ chức, bộ máy mới để triển khai thực hiện. Do vậy, không ảnh hưởng nguồn nhân lực, không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) bảo đảm thi hành Nghị định sau khi được ban hành.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đơn đốc thi hành: Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn các nội dung được giao tại Nghị định.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Bộ Tài chính chủ trì, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị định và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị định kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để cơ quan thuế các cấp tổ chức triển khai thực hiện Nghị định. Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định tại Nghị định từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh áp dụng từ ngày 01/01/2026 theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định *xl*

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Bản thuyết minh nội dung dự thảo; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CT (CS) (b). *KL*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn